

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B T
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 44 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hà
2. Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T , xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2018/TLST- HNGĐ ngày 07/12/2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXX-ST ngày 02/04/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị P ; Sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Tào Văn Q ; Sinh năm 1979 .

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị P trình bày: Chị P và anh Q tự do tìm hiểu khoảng 01 năm thì đi đến hôn nhân. Anh chị có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa năm 2005. Sau khi chị P và anh Q lấy nhau sống hạnh phúc một thời gian thì anh Q thường xuyên uống rượu say về đánh đập chị P . Chị P đã cố nhẫn nhịn nhưng anh Q không thay đổi. Mâu thuẫn gay gắt vào năm 2006 và chị P phải bỏ đi làm ăn và gửi tiền về thì anh Q chỉ ở nhà rượu chè. Nay chị P không còn tình cảm với anh Q và mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị P và anh Q có 03 con chung:

Cháu Tào Văn L sinh ngày 15/9/2006 hiện nay đang ở với chị P . Hai cháu là Tào Thành L và Tào Thành T sinh đôi, sinh ngày 20/4/2010 đang ở với anh Q .

Nguyên vọng của chị P khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, nếu anh Q không đồng ý thì chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L còn cháu T và cháu L đang ở với anh Q để anh Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản: Hiện nay anh Q đang quản lý toàn bộ tài sản chung của vợ chồng chị P không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Hiện nay vợ chồng còn khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) bản thân anh Q không có khả năng trả nợ, chị P nhận trách nhiệm trả.

Bị đơn : Anh Tào Văn Q trình bày: Anh và chị P tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn như chị P trình bày là đúng. Nhưng theo anh Q vợ chồng chưa có gì là mâu thuẫn gay gắt. Tuy anh Q thì thoảng cũng có hay uống rượu và chửi bới chị P thì chị P lại bỏ về ngoại sống. Anh Q không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ. Anh Q cho rằng do chị P ngang nên vợ chồng gặp nhau là cãi nhau. Lâu nay chị P không còn quan tâm tình cảm gì với anh Q

Về con chung : Vợ chồng có 03 con chung như chị P trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh Q có nguyện vọng nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng, nhưng chị P phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T là 15.000.000đ.

Về tài sản chung vợ chồng hiện nay anh Q đang quản lý chị P không yêu cầu giải quyết nên anh Q cũng không đề nghị gì khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2019. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T công nhận hộ chị Trương Thị P có vay 15.000.000đ thời hạn trả nợ là 12/11/2018 đã đến hạn trả nợ và chuyển sang giai đoạn nợ quá hạn. Nay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T và chị Trương Thị P tự nguyện thỏa thuận chị P cam kết ngày 06/3/2019 trả 5.000.000đ và ngày 12/4/2019 trả 5.000.000đ, đến 12/6/2019 trả 5.000.000đ.

Ngày 17/4/2019 Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T xác nhận chị Trương Thị P đã trả 5.000.000đ vào ngày 06/3/2019 và trả 5.000.000đ vào ngày 12/4/2016. Nay chị Trương Thị P chỉ còn nợ 5.000.000đ thỏa thuận ngày 12/6/2019 chị P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T , đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị P và Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T .

Cháu Tào Văn L có nguyện vọng ở với mẹ vì bố hay uống rượu say và đánh đuổi cháu. Hai cháu T và L thì mong muốn được ở với cả bố và mẹ.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Trương Thị P , anh Tào Văn Q và Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự, ban hành đúng, đủ các văn bản tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị HĐXX xử cho chị Trương Thị P ly hôn anh Tào Văn Q . Về con chung đề nghị HĐXX giao cháu Tào Văn L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng và giao cho anh Tào Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Tào Thành T và Tào Thành L . Đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận , cam kết trả nợ của chị Trương Thị P với Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T .

Về án phí: Chị Trương Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự tố tụng của BLTTDS.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Trương Thị P , anh Tào Văn Q và Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đều có đơn xin xử vắng mặt. HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

- Chị Trương Thị P và anh Tào Văn Q tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ T nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Cuộc sống của chị P và anh Q đã không còn hạnh phúc. Chị P không còn tình cảm với anh Q . Do anh Q lười lao động thường xuyên uống rượu say về đánh đập chị P , vợ chồng không nói chuyện được với nhau. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh Q và chị P đã trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp.

HĐXX xử cho chị Trương Thị P ly hôn anh Tào Văn Q .

Về con chung: HĐXX giao cháu Tào Văn L sinh ngày 15/9/2006 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Giao hai cháu sinh đôi là Tào Thành L và Tào Thành T sinh ngày 20/4/2010 cho anh Tào Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản: Chị Trương Thị P và anh Tào Văn Qu không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về khoản nợ chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trương Thị P và Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T . Chị Trương Thị P có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vào ngày 12/6/2019 và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T .

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Trương Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trương Thị P và Ngân hàng chính sách Xã hội huyện B T tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nên chị P không phải chịu án phí dân sự của số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Xử cho chị Trương Thị P ly hôn anh Tào Văn Q .

2. Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Giao cháu Tào Văn L sinh ngày 15/9/2006 cho chị Trương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Giao hai cháu Tào Thành L và Tào Thành T đều sinh ngày 20/4/2010 cho anh Tào Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị Trương Thị P và anh Tào Văn Q đều có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nợ chung : Công nhận sự tự nguyện cam kết của chị Trương Thị P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách Xã hội huyện B T là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vào ngày 12/6//2019 và lãi phát sinh tính đến ngày tất toán hợp đồng.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Trương Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu số: AA/2015/0004982 ngày 07 tháng 12 năm 2018 (chị P đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết án sơ thẩm tại UBND xã Đ T nơi cư trú sinh sống của các đương sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- CQ thực hiện đăng ký kết hôn

.....

- Lưu.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến

Phạm Thị Hà

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Xuân Bằng

Lê Thị Hiền

Trần Thị Quyên

